

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5, TỈNH HƯNG
YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 02/7/2025

V/v: tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5, TỈNH HƯNG YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh Phương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Phụng

2. Ông Vũ Tiến Thịnh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Hưng Yên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:** ông Đặng Cao Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 144/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2025/QĐ-ST ngày 25/6/2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Phạm Thị Thu G**, sinh năm 1995

- **Bị đơn:** Anh **Trần Trọng C**, sinh năm 1994

Cùng ĐKKH: số nhà B, ngõ B đường N, tổ A, phường T, tỉnh Hưng Yên (thành phố T, tỉnh Thái Bình cũ).

Địa chỉ hiện nay: tòa 1C khu nhà ở xã hội, tổ F, phường T, tỉnh Hưng Yên (phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình cũ).

(chị G vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh C vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - chị Phạm Thị Thu G trình bày:*

Chị và anh Trần Trọng C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình (nay là UBND phường T, tỉnh Hưng Yên) ngày 11/12/2017. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống trong nhiều việc khiến cho cuộc sống hôn nhân luôn căng thẳng, nặng nề. Chị và anh C đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn giữa chị và anh C đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 01 con chung là Trần Ngọc Thiên A, sinh ngày 13/11/2018. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang kinh doanh trong lĩnh vực sự kiện, giải trí, thu nhập trung bình hàng tháng khoảng 30.000.000 đồng/tháng, chị có đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh C tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Trần Trọng C vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án nên không thể hiện quan điểm.*

** Tại Biên bản xác minh ngày 10/6/2025, Công an phường T, TP T, tỉnh Thái Bình (nay là phường T, tỉnh Hưng Yên) cung cấp:* Anh Trần Trọng C, sinh năm 1994 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà B, ngõ B đường N, tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình (nay là phường T, tỉnh Hưng Yên).

** Tại Biên bản xác minh với Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố T (nay là UBND phường T, tỉnh Hưng Yên) thể hiện:* Chị Phạm Thị Thu G và anh Trần Trọng C hiện đang sinh sống tại khu nhà ở xã hội, tổ F, phường Q, thành phố T (nay là phường T, tỉnh Hưng Yên). Quá trình chung sống giữa chị G và anh C có xảy ra mâu thuẫn hay không địa phương không nắm được; giữa anh, chị chưa có cãi vã, xô xát khiến tổ dân phố phải can thiệp, hòa giải. Nay chị G xin ly hôn anh C, đề nghị Tòa án căn cứ nguyện vọng của anh, chị để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Chị G và anh C có 01 con chung là Trần Ngọc Thiên A, sinh ngày 13/11/2018, hiện cháu A đang sống cùng chị G, anh C. Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị G, anh C ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của anh chị, điều kiện nuôi con của mỗi bên và quy định của pháp luật để giải quyết, đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho con chung.

Về tài sản chung: chị G và anh C có tài sản chung gì địa phương không nắm rõ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Hưng Yên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn thực hiện chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Thu G được ly hôn anh Trần Trọng C.

+ Về con chung: giao chị Phạm Thị Thu G trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Ngọc Thiên A, sinh ngày 13/11/2018. Việc cấp dưỡng nuôi con do chị G không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

+ Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết.

+ Về án phí: Chị Phạm Thị Thu G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị Thu G khởi kiện xin ly hôn với anh Trần Trọng C, đăng ký hộ khẩu tại số nhà B, ngõ B đường N, tổ A, phường T, tỉnh Hưng Yên (thành phố T, tỉnh Thái Bình cũ). Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án “*Ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Hưng Yên.

Nguyên đơn là chị Phạm Thị Thu G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Trần Trọng C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh C vẫn vắng mặt và

không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt gửi đến Tòa án. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Phạm Thị Thu G và anh Trần Trọng C được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống giữa vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, hai bên bất đồng quan điểm sống khiến cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Chị G và anh C đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, biết được việc chị G xin ly hôn nhưng anh C không đến Tòa án trình bày quan điểm; tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa anh C đều vắng mặt không có lý do. Điều đó thể hiện anh C không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị G và anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị G được ly hôn anh C là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Quan hệ con chung: Chị G và anh C có 01 con chung là Trần Ngọc Thiên A, sinh ngày 13/11/2018. Ly hôn, chị G đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, anh C không bày tỏ quan điểm gì về con chung. Xét thấy, chị G có chỗ ở và thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để nuôi con, do đó cần giao con chung Trần Ngọc Thiên A cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng. Chị G không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản: Chị Phạm Thị Thu G không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Trần Trọng C không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về tài sản chung của anh, chị trong vụ án này. Các đương sự có thể khởi kiện vụ án phân chia tài sản chung khi có yêu cầu.

[2.4] Về án phí: Chị Phạm Thị Thu G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Thu G và anh Trần Trọng C có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Thu G được ly hôn anh Trần Trọng C.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Phạm Thị Thu G trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Ngọc Thiên A, sinh ngày 13/11/2018, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Anh Trần Trọng C có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Chị G, anh C có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Thu G phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị G đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000191 ngày 09 tháng 5 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 5, tỉnh Hưng Yên) sang thi hành án phí.

5. Quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Thu G, anh Trần Trọng C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 5;
- Phòng THADS khu vực 5;
- UBND phường Trần Lãm;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Minh Phương